

trọng hơn ở chỗ luật còn quá nhiều kẽ hở cho tiêu cực nảy sinh, làm giàu bất chính - việc kiểm tra thi hành luật còn buông lỏng, sự vi phạm luật chưa được xử lý nghiêm minh. Những nhà kinh doanh chân chính - cả giám đốc doanh nghiệp nhà nước và tư nhân - nếu chấp hành đúng luật thì không thể nào tồn tại trước những đối thủ cạnh tranh được một số viên chức nhà nước "vẽ đường hươu chạy".

Trong một môi trường kinh doanh như thế, nhiều nhà đầu tư không thể nào và cũng không muốn vạch ra một chiến lược phát triển dài hạn, đưa doanh nghiệp đi vào những hoạt động sản xuất một cách có căn cơ. Họ buộc phải chọn con đường "đánh quả" theo từng thương vụ và theo đuổi nhau đầu cơ hết vàng, đổ la lại đến địa ốc.

4. Vấn đề đổi mới cơ chế quản lý tuy đã đạt được một bước ngoặt đưa nền kinh tế đi vào cơ chế thị trường một cách "êm dịu". Song, sự chuyển đổi cơ chế vẫn chưa đồng bộ khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Những gì có thể được gọi là "đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và hành chính nhà nước" cho thấy vẫn còn nặng về khía cạnh ban hành các văn bản pháp quy, chưa chú trọng đổi mới bộ máy tổ chức và con người thực hiện trong một thể thống nhất của cơ chế: khung luật pháp - bộ máy vận hành và con người trong guồng máy.

Nhà nước cũng đã có chủ trương cải cách hành chính, tái cấu trúc bộ máy công vụ, nhưng vẫn còn chậm chạp và lúng túng. Những nỗ lực trong việc này xem ra mới chỉ dừng lại chuyện "tách - nhập" giữa các Bộ và Sở, Ban ngành. Phải chăng chúng ta đang thiếu những người có kỹ năng phân tích quản trị (Management Analysis) để tái thiết kế các quy trình tác nghiệp công vụ một cách khoa học làm cơ sở cho việc cải cách toàn diện và đồng bộ hệ thống hành chính công quyền?

Tuy nhiên, dù có những giải pháp, những mô hình mới, chúng ta vẫn vấp phải một vấn nạn khác: tìm kiếm những con người có năng lực tương thích với phương thức hoạt động mới, có phẩm chất loại trừ tham nhũng, cục bộ địa phương, bè phái nắm giữ đặc quyền, đặc lợi. Một khi chưa giải được vấn nạn này, mọi giải pháp đều sẽ không khả thi mặc dù ở các nước khác đã từng áp dụng và đang vận hành hữu hiệu.

Những vấn đề đặt ra nêu trên chưa phải là toàn diện. Song ít nhất đó cũng là những vấn đề cơ bản, những cản ngại mà chúng ta phải vượt qua để có những bước tăng trưởng và phát triển vững mạnh, để kịp đi theo chuyển tàu cuối lao vào thế kỷ 21 ♣

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM THỰC TRẠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

NGUYỄN THƯỢNG MINH

I. THỰC TRẠNG

1. Tính đến 30.10.1993 cả nước đã được cấp 779 giấy phép (GP) các loại (trong số này có 72 giấy phép của Bộ KTDN cũ), với tổng vốn đầu tư (TVĐT) khoảng 6 tỷ 720 USD. Quá trình hoạt động đã thu hồi, hết hạn giải thể 115 GP. Hiện còn hiệu lực 664 GP với tổng vốn đầu tư 6 tỷ 064 USD (trong số này có 24 GP về đầu khí với tổng vốn đầu tư 1 tỷ 145 USD).

Riêng 10 tháng đầu năm 93, Ủy Ban Hợp tác và Đầu tư (SCCI) đã cấp 202 GP các loại với tổng vốn đầu tư khoảng 1 tỷ 845 USD.

Điển hình ở một số địa phương như:

- TP.HCM	: 80 GP	TVĐT	882,3 triệu USD
- Hà Nội	: 32 GP	TVĐT	506 triệu USD
- Đồng Nai	: 24 GP	TVĐT	87 triệu USD
- Vũng Tàu	: 05 GP		
- Quảng Nam Đà Nẵng	: 08 GP		

2. Ở TP.HCM, tính đến 30.10.1993:

- Tổng số giấy phép đã được cấp:	329 GP		
- Thu hồi; giải thể, hết hạn:	49 GP		
- Hiện còn hiệu lực:	280 GP		
- Tổng vốn đầu tư:			2,238 tỷ USD
- Vốn pháp định:			1,291 tỷ USD
- Việt Nam góp:			310 triệu USD
- Nước ngoài góp:			976 triệu USD.

a. Phân theo hình thức đầu tư:

- Liên doanh	212 GP: TVĐT 1 tỷ 648 USD chiếm 73,8%/TVĐT
- Hợp tác kinh doanh:	18 GP: TVĐT 193 triệu USD chiếm 8,4%/TVĐT
- 100% vốn NN	50 GP: TVĐT 397 triệu USD chiếm 17,8%/TVĐT.

b. Phân theo năm cấp giấy phép:

Năm 1988	06 GP:	TVĐT	17 triệu USD
Năm 1989	14 GP:	TVĐT	155 triệu USD
Năm 1990	33 GP:	TVĐT	278 triệu USD
Năm 1991	64 GP:	TVĐT	396 triệu USD
Năm 1992	83 GP:	TVĐT	508 triệu USD
Năm 1993 (10 tháng)	80 GP:	TVĐT	882,3 triệu USD

c. Phân theo ngành kinh tế kỹ thuật

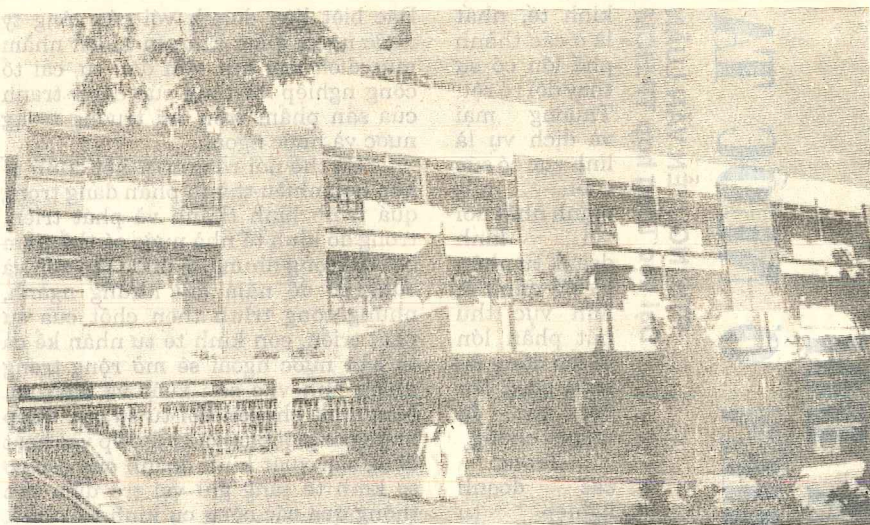
- Công nghiệp	177 GP: VĐT	766 triệu USD; tỉ lệ (TL)	34,2%
- Xây dựng	08 GP: VDT	352 triệu USD; TL	15,7%
- Nông nghiệp	06 GP: VDT	70 triệu USD; TL	3,15%
- GTVT	16 GP: VDT	58 triệu USD; TL	2,6%
- TT liên lạc	04 GP: VDT	93 triệu USD; TL	4,1%
- Thương nghiệp	03 GP: VDT	29 triệu USD; TL	1,3%
- Nhà ở, KS, DL	54 GP: VDT	705 triệu USD; TL	31,5%
- Khoa học	01 GP: VDT	0,3 triệu USD; TL	0,01%
- Giáo dục ĐT	01 GP: VDT	1 triệu USD; TL	0,04%
- Y tế, BHXH, TĐTT	03 GP: VDT	72 triệu USD; TL	3,2%
- TC, Tín dụng	07 GP: VDT	95 triệu USD; TL	4,2%

d. Phân theo cấp quản lý:

Thuộc Trung ương	114 GP: TVĐT	599,7 triệu USD.
Liên doanh	102 GP: TVĐT	431 triệu USD
HTKD	06 GP: TVĐT	92 triệu USD
100% Vốn nhà nước	44 GP: TVĐT	321 triệu USD

e. Phân theo thời hạn hoạt động

- Dưới 10 năm:	25 GP
- Từ 10 năm đến 20 năm:	227 GP
- Từ 20 năm đến 30 năm:	21 GP

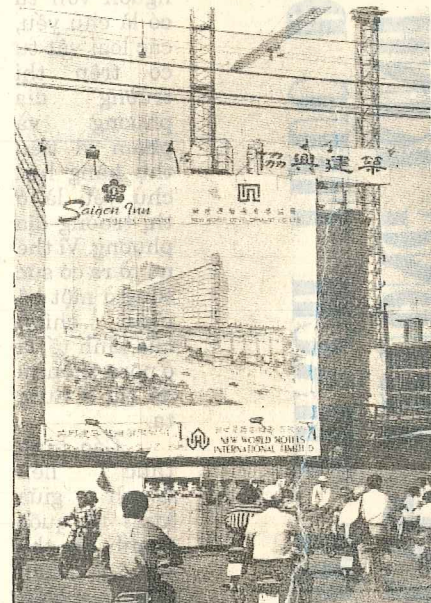


- Từ 30 năm đến 40 năm: 04 GP
- Từ 40 năm đến 50 năm: 03 GP
- f. Phân theo quy mô dự án
- Dưới 10 triệu USD: 75 GP
- Từ 1 triệu đến 10 triệu: 152 GP
- Từ 10 triệu đến 20 triệu: 30 GP
- Từ 20 triệu đến 30 triệu: 08 GP
- Từ 30 triệu đến 40 triệu: 04 GP
- Từ 40 triệu đến 50 triệu: 02 GP
- Từ 50 triệu đến 100 triệu: 07 GP
- Từ 100 triệu trở lên: 02 GP
- g. Phân theo nước đầu tư

3. Tồn tại

Trong các năm qua việc kêu gọi thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt được kết quả đáng phấn khởi, tuy nhiên cũng còn tồn tại một số điểm sau:

- Quy hoạch ngành kinh tế-kỹ thuật còn yếu. Hầu như các ngành, các địa phương chưa có quy hoạch tổng thể, chưa xác định được ngành nào cần ưu tiên với tiêu chuẩn kinh tế-kỹ thuật thích hợp.
- Đối tác VN quá phân tán, nhỏ về quy mô, và ít vốn
- Đội ngũ cán bộ thiếu lại kiêm nhiệm nhiều công tác
- Chưa thiết lập được cơ chế một cửa
- Việc quản lý sau khi cấp giấy phép chưa tốt do thiếu kinh nghiệm



Nước	Số giấy phép	Vốn đầu tư (triệu USD)
Hồng Kông	52	655
Đài Loan	52	628
Singapore	26	126
Korea	25	93
CHLB Nga	23	95
Pháp	21	167
Nhật	13	93
Úc	12	99
Thái Lan	10	45
Malaysia	10	40
Hà Lan	04	67
Philippine	04	13
Mỹ (VK)	04	15
Island	03	21
Thụy Sĩ	03	3.8
Anh	03	32
Ý	02	1.19
Canada	02	13.4
Hungari	02	1.6
Nauy	02	0.8
Panama	01	0.5
Indonesia	01	10
Israel	01	1.5
Đan Mạch	01	1.6
Bỉ	01	0.5
CHLB Đức	01	8
Ả Rập	01	12

II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ

1. Các yếu tố tác động đến tình hình thu hút vốn đầu tư năm 1994

- Thị trường trong nước đang phát triển mạnh, do đó, một mặt đòi hỏi sản xuất trong nước phải phát triển để đáp ứng nhu cầu; mặt khác nó thúc đẩy các công ty nước ngoài xâm nhập thị trường của ta. Đây là quan hệ hai chiều thúc đẩy thị trường nước ta hòa nhập với thị trường thế giới.

- Các tổ chức tài chính quốc tế như WB, IMF... nối lại sự giúp đỡ tài chính cho nước ta, làm yên tâm các chủ đầu tư trực tiếp, do đó vốn đầu tư tiếp tục chảy mạnh vào nước ta. Đây là yếu tố thời cơ mà ta phải nắm bắt để phát triển kinh tế nước nhà.

- Cơ cấu kinh tế nước ta đang tiếp tục thay đổi và chưa ổn định, kéo theo các địa phương, vùng cũng thay đổi, đòi hỏi có vốn đầu tư ngày càng nhiều, trong đó vốn đầu tư nước ngoài chiếm một tỷ lệ khá lớn.

2. Phương hướng

Trong một số năm trước mắt, nước ta chấp nhận tự bản đầu tư nước ngoài có kỹ thuật trung bình. Kỹ thuật trung bình các nước có quan niệm khác nhau, ta quan niệm kỹ thuật trung bình là khi hàng hóa sản xuất ra sẽ bán được trên thị trường. Đồng thời, từng bước sẽ kêu gọi vốn đầu tư vào các ngành kỹ thuật cao một cách có chọn lọc.

3. Nhiệm vụ năm 1994 - 1995. Tập trung vào các nhiệm vụ chính sau đây:

- Đẩy mạnh việc thu hút vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Phát triển khu công nghiệp, khu đô thị hóa, đẩy nhanh tiến độ xây dựng 2 khu chế xuất (Tân Thuận - Nhà Bè và Linh Trung - Thủ Đức) và xúc tiến đầu tư một số ngành công nghiệp kỹ thuật cao có chọn lọc.
- Cải thiện môi trường đầu tư trên 2 mặt: môi trường luật pháp và môi trường tự nhiên.

- Thu hút vốn đầu tư để giải quyết việc làm, trên cơ sở tiếp thu kỹ thuật thông thường, ưu tiên kỹ thuật cao.

- Thu hút vốn đầu tư cho ngành nông sản và chế biến

- Đầu tư thiết bị nâng cấp cho ngành công nghiệp, và nhà máy (có chọn lựa).

- Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ để cung cấp, phân bổ cho khu vực đầu tư nước ngoài.

- Cải tiến thủ tục, rút ngắn thời gian cấp giấy phép và triển khai thực hiện. Thực hiện dịch vụ một cửa, đưa công tác quản lý vào nề nếp.

Tài liệu tham khảo chính

Tài liệu do Ông Phạm Chánh Trực Phó CTUBND TP.HCM, phổ biến trong cuộc họp báo ngày 6.12.1993